

Số: 117/2020/QĐST-HNGĐ

N, ngày 28 tháng 08 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LÝ HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bùi Thị Kim C, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ liên hệ: T A, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Bị đơn: Anh Hoàng Bá T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quốc H – Giám đốc chi nhánh huyện N.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đinh Ngọc T – Giám đốc Phòng giao dịch khu vực Văn Phong (theo văn bản ủy quyền ngày 11/8/2020).

- Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Q – Giám đốc Phòng Giao dịch NHCHXH huyện N.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Quốc H – Tổ trưởng tổ tín dụng (theo văn bản ủy quyền ngày 11/8/2020).

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 35, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 20 tháng 08 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Kim C và anh Hoàng Bá T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:* Chị Bùi Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hoàng Đức H, sinh ngày 18/3/2016 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Bá T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 13/9/2008 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các T viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

2.2 *Về tài sản chung, công nợ chung:* Các đương sự tự thoả thuận, đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

* Anh Hoàng Bá T được sở hữu và sử dụng toàn bộ các tài sản chung của vợ chồng có giá trị khoảng 160 triệu đồng gồm:

+ Quyền sử dụng 250m² đất tại thửa số 582, tờ bản đồ số 4 Bản đồ địa chính xã Y. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 560651 ngày 07/8/2015 mang tên ông Hoàng Bá T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Ninh

Bình.

+ 01 nhà xây tường, mái bần mái tôn diện tích xây dựng khoảng 60m² và công trình phụ, 01 lán bần mái tôn khoảng 60m² và toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

* Anh T có nghĩa vụ trả toàn bộ công nợ chung của vợ chồng gồm:

+ Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện N - Phòng giao dịch khu vực Văn Phong số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 11/8/2020 là 1.150.000 đồng và toàn bộ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

+ Trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện N số tiền 50.000.000 đồng (vay hộ mới thoát nghèo) và số tiền 12.000.000 đồng (vay nước sạch vệ sinh môi trường) tổng là 62.000.000 đồng. Lãi tính đến ngày 11/8/2020 là 413.548 đồng và toàn bộ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Chị C, anh T không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

2.3. Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị C nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000588 ngày 24/07/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho chị C 150.000 đồng.

- *Án phí chia tài sản chung*: Chị C, anh T không phải chịu do đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tài sản chung, công nợ chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Trả lại cho chị C số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 3.957.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000587 ngày 24/07/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã K;

THẨM PHÁN

- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

HÀ MINH LỰC